

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HSST
Ngày: 18/5/2018

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Hòa và ông Nguyễn Đức Tuấn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Nhật Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 05 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 03 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 05 năm 2018 đối với bị cáo: **Đào Văn T**, sinh năm 1986.

- HKTT, chỗ ở: thôn V, xã Đ, huyện A, tỉnh Hưng Yên.

- Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không.

- Trình độ văn hoá: 09/12, Nghề nghiệp: Làm ruộng.

- Con ông: Đào Văn M SN 1959;

- Con bà: Phạm Thị L SN 1955.

- Anh chị em ruột: có 03 người, bị cáo là thứ hai.

- Vợ, con: Chưa có.

- Tiền án, tiền sự: Chưa có.

T bị tạm giữ từ ngày 05/10/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

*** Những người bị hại:**

1. Cháu Đỗ Quốc B- sinh năm 2011.

Người đại diện hợp pháp cho cháu B là anh Đỗ Văn D- sinh năm 1975 và chị Vũ Thị C- SN 1979 là bố mẹ đẻ của cháu B.

Đều trú tại: Thôn HQ- xã TC- huyện K- tỉnh Hưng Yên.

2. Cháu Đỗ Văn E- sinh năm 2011.

Người đại diện hợp pháp cho cháu E là anh Đỗ Văn F- sinh năm 1987 và chị Nguyễn Thị H- SN 1991 là bố mẹ đẻ của cháu E.

Đều trú tại: Thôn QX- xã TC- huyện K- tỉnh Hưng Yên.

3. Cháu Lê Ngọc G- sinh năm 2011.

Người đại diện hợp pháp cho cháu G là anh Lê Ngọc Y- sinh năm 1979 và chị Đoàn Thị Tx- SN 1984 là bố mẹ đẻ của cháu G.

Đều trú tại: Thôn SQ- xã TC- huyện K- tỉnh Hưng Yên.

4. Cháu Lê Bảo Kh- sinh năm 2011.

Người đại diện hợp pháp cho cháu Kh là anh Lê Văn I- sinh năm 1982 và chị Đỗ Thị O- SN 1989 là bố mẹ đẻ của cháu Kh.

Đều trú tại: Thôn SQ- xã TC- huyện K- tỉnh Hưng Yên.

5. Cháu Nguyễn Huy Y- sinh năm 2010.

Người đại diện hợp pháp cho cháu Y là chị Nguyễn Thị P- sinh năm 1988 là mẹ đẻ của cháu Y.

Đều trú tại: Thôn TQ- xã PH- huyện K- tỉnh Hưng Yên.

6. Cháu Đỗ Danh R- sinh năm 2011.

Người đại diện hợp pháp cho cháu R là anh Đỗ Danh N- sinh năm 1982 là bố đẻ của cháu R.

Đều trú tại: Thôn AL- xã ĐT- huyện K- tỉnh Hưng Yên.

7. Cháu Nguyễn Văn HA- sinh năm 2011.

Người đại diện hợp pháp cho cháu HA là chị Nguyễn Thị CL- sinh năm 1986 là mẹ đẻ của cháu HA.

Đều trú tại: Thôn 3- xã TH- huyện K- tỉnh Hưng Yên.

8. Cháu Hoàng Trung S - sinh năm 2011.

Người đại diện hợp pháp cho cháu S là chị Trần Thị M- sinh năm 1978 là mẹ đẻ của cháu S

Đều trú tại: Thôn 3- xã TH- huyện K- tỉnh Hưng Yên.

9. Cháu Vũ Văn Trường Ch - sinh năm 2008.

Người đại diện hợp pháp cho cháu Ch là chị Lê Thị P- sinh năm 1986 là mẹ đẻ của cháu Ch.

Đều trú tại: Thôn 3- xã Ô- huyện K- tỉnh Hưng Yên.

10. Cháu Vũ Công W - sinh năm 2008.

Người đại diện hợp pháp cho cháu W là chị Nguyễn Thị Hu- sinh năm 1981 là mẹ đẻ của cháu W.

Đều trú tại: Thôn 2- xã Ô- huyện K- tỉnh Hưng Yên.

11. Cháu Nguyễn Phúc U - sinh năm 2011.

Người đại diện hợp pháp cho cháu U là chị Mai Thị Thu Hu- sinh năm 1989 là mẹ đẻ của cháu U.

Đều trú tại: Thôn 1- xã Ô- huyện K- tỉnh Hưng Yên.

12. Cháu Bùi Viết J- sinh năm 2008.

Người đại diện hợp pháp cho cháu J là chị Nguyễn Thị Hi - sinh năm 1975 là mẹ đẻ của cháu J.

Đều trú tại: Thôn TB - xã TD- huyện K- tỉnh Hưng Yên.

13. Cháu Bùi Viết V- sinh năm 2007.

Người đại diện hợp pháp cho cháu V là chị Nguyễn Thị Ta- sinh năm 1983 là mẹ đẻ của cháu V.

Đều trú tại: Thôn TB- xã TD- huyện K- tỉnh Hưng Yên.

14. Cháu Đào Đức D- sinh năm 2007.

Người đại diện hợp pháp cho cháu D là chị Lê Thị Lo- sinh năm 1986 là mẹ đẻ của cháu D

Đều trú tại: Thôn BD- xã TD- huyện K- tỉnh Hưng Yên.

15. Cháu Văn Tiến A- sinh năm 2006.

Người đại diện hợp pháp cho cháu A là anh Văn Đình J- sinh năm 1981 là bố đẻ của cháu A

Đều trú tại: Thôn DT- xã DT- huyện K- tỉnh Hưng Yên.

Tất cả những người bị hại, người đại diện hợp pháp của những người bị hại nêu trên đều vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt).

**** Những người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho các bị hại:***

1. Ông Nguyễn TA- người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho các cháu Lê Ngọc G, Đỗ Quốc B, Lê Bảo Kh, Đỗ văn E, Nguyễn Huy Y, Đỗ Danh R, Bùi Viết J, Bùi Viết V, Đào Đức D, Văn Tiến A.

2. Ông Phạm Đức La bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho các cháu Nguyễn Văn Y Anh và cháu Hoàng Trung S.

3. Bà Đỗ Thị H bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho các cháu Vũ Công W, Vũ Văn Trường Ch, cháu Nguyễn Phúc U và cháu Văn Tiến A.

Đều là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hưng Yên:

(Đều có mặt tại phiên tòa)

**** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Trần Thị M- sinh năm 1962.

Trú tại: Thôn PP- thị trấn K- huyện K- tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Anh Phạm Văn Ca- sinh năm 1988.

Trú tại: Thôn V- xã VT- huyện A- tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt không có lý do).

**** Những người làm chứng:***

1. Ông Đào Văn M- sinh năm 1959.

2. Bà Phạm Thị L- sinh năm 1959.

Đều trú tại: Thôn V- xã VT- huyện A- tỉnh Hưng Yên.

3. Bà Đỗ Thị Ti- sinh năm 1967.

Trú tại: Thôn x- xã AV- huyện K- tỉnh Hưng Yên.

4. Cháu Hoàng Xuân Đức Th- sinh năm 2008.

Người giám hộ cho cháu Th là bố hoặc mẹ đẻ cháu Th.

Đều trú tại: Thôn TQ- xã PH- huyện K- tỉnh Hưng Yên.

5. Cháu Đỗ Cao Lu- sinh năm 2008.

Người giám hộ cho cháu Lu là bố hoặc mẹ đẻ cháu Lu.

Đều trú tại: Thôn TQ- xã PH- huyện K- tỉnh Hưng Yên.

6. Chị Đỗ Thị Thu Tz- sinh năm 1981.

Trú tại: Thôn y- xã AV- huyện K- tỉnh Hưng Yên.

(Điều vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhận được tin báo của các trường tiểu học trên địa bàn huyện K về việc học sinh trong trường bị đối tượng lạ mặt vào chiếm đoạt dây chuyền bạc. Khoảng 06 giờ 20 phút ngày 05/10/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Khoái Châu đã phát hiện Đào Văn T đang có mặt tại Trường tiểu học PH (A) thuộc thôn KQ, xã PH, huyện K có biểu hiện nghi vấn nên Cơ quan điều tra đã yêu cầu T về trụ sở để làm việc. Quá trình làm việc, T đã khai nhận:

Sáng ngày 04/10/2017, T đeo khẩu trang điều khiển xe mô tô biển số 89L3 - 1136 đi đến huyện K với mục đích đến các trường tiểu học chiếm đoạt dây chuyền của các cháu học sinh để lấy tiền mua ma túy sử dụng. Đến khoảng 06 giờ 30' cùng ngày, T đi đến cổng trường Tiểu học xã TC thuộc địa phận thôn SQ, xã TC, huyện K. Phát hiện thấy cổng trường đang mở, có một số cháu học sinh đã đến trường, nên T điều khiển xe mô tô vào dựng tại khu vực sân trường và đi bộ vào phòng học ghi chữ số phòng 10 - 1A của lớp 1C. Quan sát thấy trên cổ các cháu học sinh Đỗ Quốc B, Đỗ Văn E, Lê Ngọc G và Lê Bảo Kh đều sinh năm 2011 đang đeo dây chuyền bằng kim loại màu bạc nên T đã tiến lại dùng hai tay tháo đoạn móc khóa giữa hai đầu sợi dây chuyền đang đeo trên cổ của cháu B, đứng đối diện dùng tay giật mạnh sợi dây chuyền bạc đang đeo trên cổ của cháu E làm sợi dây chuyền bị đứt. T tiếp tục đứng đối diện dùng tay trái túm giật mạnh vào sợi dây chuyền của cháu Kh đang đeo trên cổ làm sợi dây chuyền bị đứt và T tiếp tục dùng hai tay giật mạnh vào sợi dây chuyền của cháu G đang đeo trên cổ làm sợi dây chuyền bị đứt. Sau mỗi lần giật được một sợi dây chuyền của người bị hại T lại cho sợi dây chuyền vào túi quần phía trước bên trái của quần bò mà T đang mặc. Sau khi cướp giật được 04 sợi dây chuyền nêu trên, T đi nhanh ra khỏi lớp học và cho sợi dây chuyền vào túi quần trước bên trái của quần bò mà T đang mặc. T mang 04 sợi dây chuyền đến bán cho bà Trần Thị M sinh năm 1962 ở thôn PP, thị trấn K, huyện K là chủ Cửa hàng mua bán vàng bạc được số tiền 554.000 đồng. T đã chi tiêu cá nhân hết số tiền 324.000 đồng, còn lại 230.000 đồng T đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Ngày 05/10/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Khoái Châu đã ra Lệnh bắt khẩn cấp đối với Đào Văn T, thu giữ các đồ vật: 01 chiếc xe mô tô biển số 89L3 - 1136, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1200 màu xanh đen; 01 mũ bảo hiểm màu đen, có hình màu trắng và có kính phía trước; 01 sợi dây bằng vải màu đen dài 1,4 mét, hai đầu đoạn dây có bọc nhựa màu đen trắng; 01 khẩu trang bằng vải, phía mặt ngoài bằng vải bò màu xanh có 06 vết rách xước dài. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Khoái Châu đã ra Lệnh khám xét khẩn cấp đối với nơi ở của Đào Văn T và tạm giữ: 01 áo sơ mi dài tay, loại áo có cổ bẻ, màu áo màu đen có chữ AGESHI đã cũ, bẩn, có vân hoa màu xanh, cúc màu vàng đã cũ; 01 chiếc khẩu trang màu xanh, loại khẩu trang Y tế.

Ngày 05/10/2017, bà Trần Thị M đã giao nộp Cơ quan điều tra 04 sợi dây chuyền nói trên.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 48/KL-ĐG ngày 10/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Khoái Châu kết luận: 04 sợi dây chuyền trị giá 474.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Khoái Châu đã ra Quyết định trưng cầu Viện khoa học hình sự - Bộ Công an giám định về chất kim loại và hàm lượng đối với 04 sợi dây chuyền nêu trên. Ngày 16/11/2017, Viện khoa học hình sự Bộ Công an có kết luận:

- 01 (một) sợi dây chuyền kim loại màu trắng bạc được chế tác dạng các móc xích hình tròn và các móc xích hình chữ nhật khuyết (ký hiệu số 1) gửi giám định có tổng khối lượng 10,38 gam gồm các thành phần: phần các móc xích chế tác hình tròn đều là bạc (Ag), hàm lượng Ag trung bình: 99,48%; phần các móc xích chế tác hình chữ nhật khuyết đều là bạc (Ag), hàm lượng Ag trung bình: 97,99%, ngoài ra còn có: đồng (Cu): 1,49%, kẽm (Zn): 0,52%.

- 01 (một) sợi dây chuyền kim loại màu trắng bạc được chế tác dạng các móc xích hình tròn và các móc xích hình chữ nhật khuyết (ký hiệu số 2) gửi giám định có tổng khối lượng 11,67 gam gồm các thành phần: phần các móc xích chế tác hình tròn đều là bạc (Ag), hàm lượng Ag trung bình: 99,36%; phần các móc xích chế tác hình chữ nhật khuyết đều là bạc (Ag), hàm lượng Ag trung bình: 95,27%, ngoài ra còn có: đồng (Cu): 4,73%.

- 01 (một) sợi dây chuyền kim loại màu trắng bạc được chế tác dạng các móc xích hình tròn và các móc xích hình chữ nhật khuyết (ký hiệu số 3) gửi giám định có tổng khối lượng 9,60 gam gồm các thành phần: phần các móc xích chế tác hình tròn đều là bạc (Ag), hàm lượng Ag trung bình: 99,71%; phần các móc xích chế tác hình chữ nhật khuyết đều là bạc trang sức, hàm lượng bạc (Ag) trung bình: 89,97%, ngoài ra còn có: đồng (Cu): 4,73%, kẽm (Zn): 7,98%.

- 01 (một) sợi dây chuyền kim loại màu trắng bạc được chế tác dạng các móc xích hình tròn và các móc xích hình chữ nhật khuyết (ký hiệu số 4) gửi giám định có tổng khối lượng 9,95 gam gồm các thành phần: phần các móc xích chế tác hình tròn đều là bạc (Ag), hàm lượng Ag trung bình: 99,55%; phần các móc xích chế tác hình chữ nhật khuyết đều là bạc trang sức, hàm lượng bạc (Ag) trung bình: 92,74%, ngoài ra còn có: đồng (Cu): 2,37%, kẽm (Zn): 4,89%.

Quá trình điều tra, Đào Văn T đã khai nhận:

Khoảng 06 giờ ngày 20/9/2017, Đào Văn T đeo khẩu trang điều khiển xe mô tô 89L3 - 1136 đi một mình từ nhà T đến cổng trường Tiểu học PH B, huyện K. Phát hiện thấy cổng trường đang mở, có một số cháu học sinh đã đến trường, T dựng xe mô tô tại khu vực cổng trường và đi bộ vào trong lớp 2A tại tầng 1 của trường. Phát hiện thấy có một nhóm các cháu học sinh đang chơi trong lớp, trong đó có cháu Nguyễn Huy Y sinh năm 2010 ở thôn TQ, xã PH đang đeo dây chuyền bạc trên cổ, T nói với cháu Y: “Tao là bạn của bố mày” nhưng cháu Y không nói gì, T đã dùng hai tay túm vào sợi dây chuyền đang đeo trên cổ của cháu Y và giật mạnh làm dây chuyền bị đứt. Sau đó,

T cầm sợi dây chuyền cho vào túi quần bên phải đang mặc và đi nhanh ra nơi dựng xe rồi điều khiển xe mô tô đến khu vực cổng Trung tâm y tế huyện K đổi sợi dây chuyền cho một người thanh niên không rõ tên, địa chỉ để lấy 01 gói ma túy để sử dụng. Chị Nguyễn Thị P là mẹ đẻ của cháu Y yêu cầu T phải bồi thường cho gia đình chị số tiền 700.000 đồng là tiền chị đã bỏ ra để mua sợi dây chuyền.

Khoảng gần 07 giờ ngày 25/9/2017, T đeo khẩu trang điều khiển xe mô tô 89L3 - 1136 đi một mình đến cổng trường Tiểu học xã ĐT, huyện K. T dựng xe mô tô tại khu vực sân trường và đi bộ vào lớp 1A để cướp giật dây chuyền bạc của các cháu học sinh. Phát hiện thấy cháu Đỗ Danh R sinh năm 2011 là học sinh lớp 1A đang đeo dây chuyền bạc trên cổ, T đã dùng hai tay túm vào dây chuyền bạc của cháu R kéo mạnh sang hai bên làm sợi dây chuyền bị đứt và cho sợi dây chuyền vào túi quần phải của T đang mặc. Sau đó, T cầm sợi dây chuyền cho vào túi quần bên phải đang mặc và nhanh chóng lên xe mô tô đi đến khu vực cổng Trung tâm y tế huyện K đổi sợi dây chuyền cho một người thanh niên không rõ tên, địa chỉ để lấy 01 gói ma túy để sử dụng. Anh Đỗ Danh N là bố đẻ của cháu R khai đã mua sợi dây chuyền hết số tiền 500.000đ. Tuy nhiên, anh N không yêu cầu T phải bồi thường số tiền trên.

Khoảng gần 06 giờ 30 phút ngày 27/9/2017, T đeo khẩu trang điều khiển xe mô tô 89L3 - 1136 đi một mình đến cổng trường Tiểu học xã TH, huyện K. T điều khiển xe mô tô đến dựng tại khu vực sân trường, quan sát thấy cháu Nguyễn Văn HA, sinh năm 2011 và cháu Hoàng Trung S, sinh năm 2011 đều là học sinh lớp 1C đang chơi ở sân trường có đeo dây chuyền bạc trên cổ. T đã dùng tay phải lần lượt túm vào sợi dây chuyền của các cháu đang đeo trên cổ giật mạnh làm 02 sợi dây chuyền bị đứt rồi đi nhanh ra nơi dựng xe mô tô điều khiển xe đến khu vực cổng Trung tâm y tế huyện K đổi sợi dây chuyền cho một người thanh niên không rõ tên, địa chỉ lấy ma túy sử dụng. Đại diện gia đình của cháu HA và cháu S yêu cầu T phải bồi thường số tiền gia đình đã mua 02 sợi dây chuyền lần lượt là 600.000 đồng và 500.000 đồng.

Khoảng gần 06 giờ 30 phút ngày 28/9/2017, Đào Văn T đeo khẩu trang điều khiển xe mô tô biển số 89L3 - 1136 đi một mình đến cổng trường Tiểu học xã Ô, huyện K. T điều khiển xe mô tô đến dựng tại khu vực sân trường và quan sát thấy cháu Vũ Văn Trường Ch, sinh năm 2008 là học sinh lớp 4A, Vũ Công W, sinh năm 2007 là học sinh lớp 5B và cháu Nguyễn Phúc U, sinh năm 2011 là học sinh lớp 1A đang chơi ở sân trường có đeo dây chuyền bạc trên cổ. T đã dùng tay phải lần lượt túm vào sợi dây chuyền của từng cháu giật mạnh làm 03 sợi dây chuyền bị đứt rồi nhanh chóng lên xe mô tô đi đến cổng Trung tâm y tế huyện K đổi 03 sợi dây chuyền cho một người lạ mặt để lấy ma túy sử dụng. Đại diện gia đình cháu Ch, cháu W và cháu U yêu cầu T phải bồi thường số tiền gia đình đã mua 03 sợi dây chuyền lần lượt là 500.000 đồng, 500.000 đồng và 700.000 đồng.

Khoảng gần 06 giờ 30 phút ngày 29/9/2017, Đào Văn T đeo khẩu trang điều khiển xe mô tô 89L3 - 1136 đi một mình đến cổng trường Tiểu học TD A, huyện K. T điều khiển xe mô tô đến dựng tại khu vực sân trường và đi bộ vào lớp 4B, nhìn thấy cháu Bùi Viết J, sinh năm 2008 là học sinh lớp 4B đang đeo dây chuyền bạc trên cổ, T đã dùng hai tay túm vào dây chuyền bạc của cháu J kéo mạnh sang hai bên làm sợi dây

chuyên bị đứt và cho sợi dây chuyên vào túi quần phải của T đang mặc. T tiếp tục đi vào lớp 5C, nhìn thấy cháu Bùi Viết V, sinh năm 2007 là học sinh lớp 5C đang đeo dây chuyên bạc trên cổ, T đã dùng hai tay túm vào dây chuyên bạc của cháu V kéo mạnh sang hai bên làm sợi dây chuyên bị đứt và cho sợi dây chuyên vào túi quần phải của T đang mặc. Trên đường chạy xuống chân cầu thang tầng một, phát hiện thấy cháu Đào Đức D, sinh năm 2007 là học sinh lớp 5A có đeo dây chuyên bạc trên cổ, T đã dùng hai tay túm vào dây chuyên bạc của cháu D kéo mạnh sang hai bên làm sợi dây chuyên bị đứt và cho sợi dây chuyên vào túi quần phải của T đang mặc rồi đi nhanh ra nơi dựng xe, điều khiển xe đến khu vực cổng Trung tâm y tế huyện K đổi 03 sợi dây chuyên cho một người thanh niên lạ mặt để lấy ma túy sử dụng. Đại diện gia đình các cháu J và cháu D yêu cầu T phải bồi thường số tiền gia đình đã mua 02 sợi dây chuyên lần lượt là 500.000 đồng và 1.060.000 đồng. Còn chiếc dây chuyên của cháu V, chị Nguyễn Thị Ta là mẹ đẻ của cháu khai đã mua sợi dây chuyên hết số tiền 500.000 đồng. Tuy nhiên, chị Ta không yêu cầu T phải bồi thường số tiền trên.

Khoảng gần 07 giờ ngày 30/9/2017, T điều khiển xe mô tô 89L3 - 1136 đi một mình đến cổng trường Trung học cơ sở xã ĐT thuộc địa phận xã ĐT, huyện K. T điều khiển xe mô tô đến dựng tại khu vực sân trường và đi bộ quan sát thấy cháu Văn Tiến A, sinh năm 2006 là học sinh lớp 6B đang ngồi chơi trên ghế đá ở sân trường, có đeo dây chuyên bạc trên cổ. T đã dùng hai tay tháo móc khóa của sợi dây chuyên đang đeo trên cổ của cháu A rồi dùng tay phải kéo giật mạnh làm dây chuyên rời khỏi cổ của cháu A rồi nhanh chóng lên xe mô tô đi đến khu vực cổng Trung tâm y tế huyện K đổi sợi dây chuyên cho một người thanh niên lạ mặt lấy ma túy sử dụng. Anh Văn Đình J là bố đẻ của cháu A khai đã mua sợi dây chuyên hết số tiền 650.000 đồng. Tuy nhiên, anh J không yêu cầu T phải bồi thường số tiền trên.

Đối với các sợi dây chuyên mà T đã chiếm đoạt vào các ngày 20/9/2017, 25/9/2017, 27/9/2017, 28/9/2017, 29/9/2017 và 30/9/2017, Cơ quan điều tra không thu giữ được nhưng cũng đã trưng cầu định giá tài sản trên hồ sơ. Ngày 07/02/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Khoái Châu trả lời: quá trình điều tra do không thu thập được vật chứng nên Cơ quan CSĐT – Công an huyện Khoái Châu không xác định được thông tin về loại bạc và khối lượng của mỗi dây chuyên bạc theo yêu cầu của Hội đồng định giá tài sản. Hội đồng định giá tài sản không có căn cứ để xác định giá trị của các tài sản nêu trên.

Quá trình điều tra, Đào Văn T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nêu ở trên. T khai nhận: Do bản thân nghiện chất ma túy, nên trong thời gian thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản tại địa bàn huyện K từ ngày 20/9/2017 đến ngày 04/10/2017, T sử dụng nguồn tiền, tài sản chiếm đoạt được vào mục đích mua, đổi chất ma túy để sử dụng, mua nước uống và xăng dọc đường.

Đối với số tiền 230.000 đồng do T tự nguyện giao nộp Cơ quan CSĐT Công an huyện Khoái Châu đã nộp vào tài khoản tạm gửi tại Kho bạc Nhà nước huyện K chờ xử lý.

Đối với 02 điện thoại di động; 01 mũ bảo hiểm; 01 sợi dây bằng vải; 02 khẩu trang; 01 áo sơ mi dài tay, xác định đều là tài sản cá nhân của bị cáo. Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng chờ xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 89L3 – 1136, thuộc quyền sở hữu hợp pháp của em rể T là anh Phạm Văn Ca sinh năm 1988, ở thôn V, xã Đ, huyện A, tỉnh Hưng Yên. Khi cho mượn xe anh Ca không biết T sử dụng xe mô tô để thực hiện hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng chờ xử lý.

Đối với 04 sợi dây chuyền bạc do bà Trần Thị M tự nguyện giao nộp. Cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu.

Tại bản Cáo trạng số 19/QĐ-VKS-HS ngày 12 tháng 03 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên đã truy tố bị cáo Đào Văn T về tội Cướp giật tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 136 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 (BLHS năm 1999);

Tại phiên tòa hôm nay:

[1] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu căn cứ vào Điều 306 của BLTTHS năm 2015 để trình bày ý kiến bổ sung. Theo đó, Đại diện viện Kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo Đào Văn T về tội danh “Cướp giật tài sản” nhưng đề nghị áp dụng điều luật tương ứng của BLHS năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 (gọi tắt là BLHS năm 2015) đối với bị cáo Đào Văn T mà không áp dụng Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 (gọi tắt là BLHS năm 1999) như bản cáo trạng nêu trên. Cụ thể đại diện VKSND huyện Khoái Châu đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Đào Văn T phạm tội “Cướp giật tài sản”; Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, i khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015; Đề nghị xử phạt bị cáo T từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù tính từ ngày 05/10/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 357, Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015 (BLDS năm 2015) và Điều 48 của BLHS năm 2015.

Buộc bị cáo T phải bồi thường cho các cháu Nguyễn Huy Y 700.000đ, cháu Đào Đức D 1.060.000đ, cháu Bùi Viết J 500.000đ, cháu Nguyễn Văn HA 600.000đ, cháu Hoàng Trung S 500.000đ, cháu Nguyễn Phúc U 700.000đ, cháu Vũ Văn Trường Ch 500.000đ, cháu Vũ Công W 500.000đ, trả cho bà M số tiền là 554.000đ. Số tiền 230.000đ hiện đang có trong tài khoản tạm gửi của Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu, tại Kho bạc được đối trừ trả cho bà M, sau khi đối trừ T còn phải tiếp tục trả cho bà M 324.000đ).

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 và khoản 2 Điều 47 của BLHS năm 2015; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của BLTTHS năm 2015.

Trả lại cho anh Phạm Văn Ca, sinh năm 1988, trú tại: Thôn V, xã VT, huyện A, tỉnh Hưng Yên, chiếc xe mô tô biển số 89L3 – 1136.

Tịch thu cho phát mại sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1200 màu xanh đen.

Tịch thu cho tiêu hủy: 01 mũ bảo hiểm màu đen, có hình màu trắng và có kính phía trước; 01 sợi dây bằng vải màu đen dài 1,4 mét, hai đầu đoạn dây có bọc nhựa

màu đen trắng; 01 khẩu trang bằng vải, phía mặt ngoài bằng vải bò màu xanh có 06 vết rách xước dài; 01 áo sơ mi dài tay, loại áo có cổ bẻ, mác áo màu đen có chữ AGESHI đã cũ, bẩn, có vân hoa màu xanh, cúc màu vàng đã cũ; 01 chiếc khẩu trang màu xanh, loại khẩu trang Y tế.

Số tiền 230.000 đồng hiện đang có trong tài khoản tạm gửi của chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu tại kho bạc nhà nước huyện K là tiền bị cáo nhận được của bà M từ việc bán tài sản cướp giật được mà có nên sẽ được đối trừ để thanh toán cho bà M.

Truy thu của bị cáo T số tiền 1.650.000đ là tiền thu lời bất chính để sung công quỹ Nhà nước.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án hợp pháp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định thi hành án nếu bị cáo T chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì phải chịu lãi theo quy định tại Điều 357 của BLDS 2015.

[2] Bị cáo T nhất trí với nội dung bản cáo trạng, ý kiến bổ sung, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu tại phiên tòa, đồng thời thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình và đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo cải tạo tốt sớm được trở về đoàn tụ với gia đình, xã hội. Bị cáo T cũng khẳng định trước đây bị cáo vẫn đi làm thuê cho em rể bị cáo là anh Phạm Văn Ca nhưng do bị ốm nên bị cáo mới nghỉ làm ở nhà khoảng 01 tháng, trong thời gian nghỉ ốm thì bị cáo vẫn được bố mẹ bị cáo nuôi ăn, ở nhưng vì nghiện chất ma túy, cần tiền mua ma túy nên bị cáo đã thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật như trên. Mục đích của bị cáo là cướp giật các sợi dây chuyền của các em học sinh một mình và bán lấy tiền mua ma túy sử dụng. Bị cáo khai nhận do bị cáo là người lớn, các em học sinh còn bé nên các em sợ, không có phản ứng gì, vì vậy có em học sinh thì bị cáo giật sợi dây chuyền, có em học sinh thì bị cáo tháo móc sợi dây chuyền trên cổ rồi mới giật, bị cáo thực hiện các hành vi rất nhanh chóng và rời khỏi ngay hiện trường để không bị phát hiện. Bị cáo cũng nhất trí bồi thường cho các bị hại, trả lại tiền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như bản luận tội và yêu cầu của đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đối với những sợi dây chuyền của các cháu Đỗ Danh R, Bùi Viết V, Văn Tiến A thì anh Văn Đình J, chị Nguyễn Thị Ta, anh Đỗ Danh N không yêu cầu T bồi thường về giá trị các sợi dây chuyền, nhưng T cũng tự nguyện nộp ngân sách nhà nước số tiền tương ứng với giá trị mỗi sợi dây chuyền tại thời điểm đại diện hợp pháp mua cho các bị hại là 1.650.000đ.

[3] Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hưng Yên: Ông Nguyễn TA - người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho các cháu: Lê Ngọc G, Đỗ Quốc B, Lê Bảo Kh, Đỗ Văn E, Nguyễn Huy Y, Đỗ Danh R, Bùi Viết J, Bùi Viết V, Đào Đức D, Văn Tiến A; Ông Phạm Đức La bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho các cháu: Nguyễn Văn HA và cháu Hoàng Trung S đều trình bày quan điểm: Nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu.

Bà Đỗ Thị H bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho các cháu Vũ Công W, Vũ Văn Trường Ch, cháu Nguyễn Phúc U và cháu Văn Tiến A trình bày quan điểm: Nhất trí với bản luận tội của VKSND huyện Khoái Châu về tội danh, điều luật áp dụng, trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với các bị hại, đồng thời đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo ở mức từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

[4] Tại phiên tòa hôm nay tất cả những người bị hại và những người đại diện hợp pháp cho các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đều vắng mặt. Tuy nhiên những người bị hại và những người đại diện hợp pháp cho các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị M đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Ngoài ra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn Ca và những người làm chứng trong vụ án đều vắng mặt không có lý do nhưng trong hồ sơ vụ án họ đã có lời khai trình bày quan điểm rõ ràng nên việc vắng mặt của họ tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Vì vậy Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ vào Điều 292, Điều 293 của BLTTHS năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về việc áp dụng pháp luật:* Mặc dù, Bộ Luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 (Được gọi tắt là BLHS năm 2015) đã có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện, bị khởi tố, điều tra trước 00 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018. Đồng thời, so sánh quy định về hình phạt tại Điều 136 BLHS năm 1999 với điều luật tương ứng (Điều 171 của BLHS năm 2015) thì quy định về hình phạt tại Điều 136 BLHS năm 1999 có lợi hơn cho người phạm tội. Cụ thể theo quy định tại Điều 136-BLHS 1999 thì hành vi của bị cáo chỉ bị áp dụng ở khoản 1 Điều 136 với khung hình phạt từ 01- 05 năm, còn đối với quy định của Điều 171 của BLHS 2015 thì hành vi của bị cáo sẽ bị áp dụng theo điểm g, h khoản 2 Điều 171 với khung hình phạt từ 03- 10 năm. Do đó, căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/06/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 của BLHS 2015 để áp dụng có lợi cho bị cáo thì trường hợp này vẫn áp dụng quy định của BLHS năm 1999.

[2] *Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Khoái Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, Kiểm sát viên:* Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Nhưng tại phiên tòa hôm nay, đại diện VKSND huyện Khoái Châu căn cứ Điều 306 của BLTTHS 2015 trình bày ý kiến bổ sung, theo đó VKSND huyện Khoái Châu truy tố bị cáo T về tội Cướp giật tài sản, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 171 của BLHS năm 2015 chứ không áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 136 của BLHS năm 1999 như bản cáo trạng đã truy tố. Tuy nhiên, như HĐXX đã nhận định tại phần áp dụng pháp luật nêu trên thì phần trình bày bổ sung của đại diện VKSND huyện Khoái Châu tại phiên tòa không được HĐXX chấp nhận.

[3] *Về hành vi phạm tội của bị cáo:*

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đều thừa nhận các hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của những người làm chứng, vật chứng thu giữ được và kết luận định giá tài sản số 50/KL-GĐ, ngày 10/10/2017. Do đó có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 20/9/2017 đến ngày 04/10/2017, bị cáo T đã có các hành vi như sau:

- Ngày 20/9/2017, tại trường Tiểu học PH B, huyện K, Đào Văn T đã thực hiện hành vi cướp giật 01 sợi dây chuyền của cháu Nguyễn Huy Y;

- Ngày 25/9/2017, tại trường Tiểu học xã ĐT, huyện K, Đào Văn T đã thực hiện hành vi cướp giật 01 sợi dây chuyền của cháu Đỗ Danh R;

- Ngày 27/9/2017, tại trường Tiểu học xã TH, huyện K, Đào Văn T đã thực hiện hành vi cướp giật 02 sợi dây chuyền của cháu Nguyễn Văn HA và cháu Hoàng Trung S;

- Ngày 28/9/2017, tại trường Tiểu học xã Ô, huyện K, Đào Văn T đã cướp giật 03 sợi dây chuyền của cháu Vũ Văn Trường Ch, cháu Vũ Công W và cháu Nguyễn Phúc U;

- Ngày 29/9/2017, tại trường Tiểu học TD A, xã TD, Đào Văn T đã cướp giật 03 sợi dây chuyền của cháu Bùi Viết J, cháu Bùi Viết V và cháu Đào Đức D;

- Ngày 30/9/2017, tại trường Trung học cơ sở xã ĐT, huyện K, Đào Văn T đã cướp giật 01 sợi dây chuyền của cháu Văn Tiến A;

- Ngày 04/10/2017, tại trường Tiểu học xã TC, huyện K, Đào Văn T đã cướp giật 04 sợi dây chuyền bạc tổng trị giá 474.000 đồng của các cháu Đỗ Quốc B, Đỗ Văn E, Lê Ngọc G và Lê Bảo Kh đều sinh năm 2011 ở xã TC, huyện K.

Hành vi của bị cáo Đào Văn T như trên đã cấu thành tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 136 của BLHS năm 1999.

Mặc dù bị cáo T đã thực hiện trên 05 lần, tại 07 trường tiểu học ở địa bàn huyện Khoái Châu đối với cùng một loại tội phạm Cướp giật tài sản, tuy nhiên theo lời khai của bị cáo và của những người làm chứng là ông Đào Văn M, bà Phạm Thị L là bố, mẹ đẻ của bị cáo T thì ông M, bà L vẫn nuôi bị cáo T ăn hàng ngày, trước khi thực hiện các hành vi cướp giật nêu trên thì bị cáo vẫn đi làm thuê cho em rể bị cáo là anh Ca. Mặt khác, bị cáo thực hiện nhiều hành vi Cướp giật tài sản nhưng trong khoảng thời gian 14 ngày (từ ngày 20/9/2017 đến ngày 04/10/2017), mục đích cướp giật tài sản cũng là bán để mua ma túy hoặc đổi lấy chất ma túy nhằm thỏa mãn cơn nghiện của mình. Như vậy, không có căn cứ để khẳng định T lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính. Nên không thể áp dụng tình tiết "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" để tính là tình tiết định khung hình phạt cho bị cáo T. Mặc dù có hành vi bị cáo T không giật ngay tài sản mà tháo vòng bạc rồi mới giật ra khỏi cổ các cháu học sinh, tuy nhiên lời khai của bị cáo và những người bị hại, người làm chứng cũng thể hiện ý T của bị cáo là muốn giật tài sản của các bị hại rồi nhanh chóng tẩu thoát. Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đã truy tố bị

cáo Đào Văn T về tội "Cướp giật tài sản" theo khoản 1 Điều 136- Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi lẽ bị cáo đã xâm phạm đến khách thể được luật hình sự bảo vệ, đó là quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang cho những bậc phụ huynh có con em trong độ tuổi cấp sách tới trường nói riêng, gây bất bình đối với quần chúng nhân dân trong việc bảo vệ và quản lý tài sản nói chung. Hiện nay, nhà nước ta đang đầu tư rất nhiều tiền của và công sức để đấu tranh nhằm ngăn chặn và đẩy lùi các tai, tệ nạn xã hội, đặc biệt là các tội phạm và tệ nạn về ma túy. Vì sử dụng ma túy không những gây tác hại lớn đến sức khỏe của con người, gây ảnh hưởng đến sự phát triển giống nòi, mà ma túy còn là một trong những nguyên nhân phát sinh ra nhiều các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác mà bị cáo T trong vụ án này là một ví dụ điển hình, chỉ vì nghiện chất ma túy, T đã bất chấp pháp luật, sẵn sàng Cướp giật tài sản để có tiền mua ma túy phục vụ nhu cầu bản thân.

[3] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

- **Về nhân thân:** Bị cáo là đối tượng ăn chơi, đua đòi dẫn đến mắc nghiện chất ma túy từ mười năm nay.

- **Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:** Trong khoảng thời gian từ ngày 20/9/2017 đến ngày 04/10/2017 bị cáo T đã liên tiếp thực hiện nhiều hành vi Cướp giật tài sản tại 07 trường tiểu học đối với 15 bị hại là trẻ em để lấy tiền tiêu sài và sử dụng ma túy. Mỗi hành vi bị cáo thực hiện đều cấu thành một tội phạm độc lập và được xét xử trong cùng một bản án. Nên bị cáo T phải chịu 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội nhiều lần” và “Phạm tội đối với trẻ em” được quy định tại điểm g và h khoản 1 Điều 48 của BLHS năm 1999.

- **Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:** Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo T đều thành khẩn khai báo với thái độ ăn năn hối cải; Bị cáo đã tự thú đối với các hành vi Cướp giật tài sản tại các trường tiểu học ĐT vào ngày 25/5/2017, TH vào 27/9/2017 và ĐT vào ngày 30/9/2017, từ đó Cơ quan điều tra đã làm rõ hành vi phạm tội của T. Do đó, bị cáo T được áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và “Tự thú” quy định tại điểm o, p khoản 1 Điều 46 của BLHS năm 1999.

Sau khi xem xét nhân thân, diễn biến vụ án, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo T là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đang trong độ tuổi lao động, lẽ ra bị cáo phải tu dưỡng rèn luyện bản thân để trở thành người có ích cho gia đình, cho xã hội, nhưng do ăn chơi, đua đòi nên bị cáo đã mắc nghiện chất ma túy để rồi sa vào con đường tội lỗi. Chính vì tư lợi, muốn ăn chơi, hưởng thụ trên mồ hôi công sức của người khác nên mặc dù nhận thức được việc bị cáo công khai, nhanh chóng chiếm đoạt, giật lấy tài sản đang trong sự quản lý của người khác rồi tẩu thoát là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo T vẫn thực hiện. Mặt khác, bị cáo thực hiện nhiều hành vi trong một khoảng thời gian ngắn (14 ngày), Hành vi bị cáo thực hiện táo bạo giữa ban ngày, tại các trường tiểu học là môi

trường giáo dục, đào tạo nhân cách cho các em nhỏ, gây ảnh hưởng sâu sắc đến sự phát triển toàn diện cho các em học sinh, thể hiện sự coi thường kỷ cương, pháp luật của nhà nước. Do vậy cần phải có mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý T tuân thủ pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật và cũng là đáp ứng nhu cầu phòng ngừa chuyênng trong toàn xã hội. Từ những nhận định nêu trên, HĐXX xét thấy không có căn cứ chấp nhận đề nghị về hình phạt của bà Đỗ Thị H – Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho các bị hại Vũ Công W, Vũ Văn Trường Ch, Nguyễn Phúc U và Văn Tiến A. Cũng từ nhận định nêu trên thì thấy rằng đề nghị của đại diện VKSND huyện Khoái Châu về hình phạt đối với bị cáo T là phù hợp, được HĐXX chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo thu nhập thấp, là đối tượng nghiện chất ma túy, công việc không ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 5 Điều 136 của BLHS năm 1999 là phạt tiền đối với bị cáo T.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Người đại diện hợp pháp của các cháu Lê Ngọc G, Đỗ Quốc B, Lê Bảo Kh, Đỗ Văn E là anh Lê Ngọc Y, anh Đỗ Văn F, anh Lê Văn I, anh Đỗ Văn D đã nhận lại tài sản, không yêu cầu T phải bồi thường trách nhiệm dân sự gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải xem xét giải quyết.

Đối với 03 sợi dây chuyền của các cháu Đỗ Danh R, Bùi Viêt V, Văn Tiến A có giá trị tại thời điểm mua lần lượt là: 500.000đ, 500.000đ, 650.000đ thì người đại diện hợp pháp cho các cháu là anh Văn Đình J, chị Nguyễn Thị Ta, anh Đỗ Danh N không yêu cầu T bồi thường về giá trị các sợi dây chuyền nêu trên. Tuy nhiên HĐXX xét thấy: mặc dù không thu giữ được 03 sợi dây chuyền nêu trên để định giá tài sản, tuy nhiên việc bị cáo T cướp giật 03 sợi dây chuyền của các cháu là có thật, mục đích của bị cáo T cũng đã đạt được là cướp giật 03 sợi dây chuyền và đã đổi được ma túy để phục vụ con nghiện, bị cáo đã hưởng lợi từ hành vi vi phạm pháp luật này. Mặt khác, tại phiên tòa bị cáo T cũng tự nguyện sung quỹ nhà nước giá trị 03 sợi dây chuyền này bằng với giá trị tại thời điểm các đại diện hợp pháp mua cho các bị hại lần lượt là: 500.000đ, 500.000đ, 650.000đ. Vì vậy, HĐXX xác định tổng giá trị 03 sợi dây này là 1.650.000đ. Do vậy, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 41 của BLHS 1999 điểm b khoản 2 Điều 106 của BLTTHS năm 2015 cần truy thu của bị cáo T số tiền 1.650.000đ để sung công quỹ Nhà nước.

Người đại diện hợp pháp của các cháu Nguyễn Huy Y, Đào Đức D, Bùi Viêt J, Nguyễn Văn HA, Hoàng Trung S, Nguyễn Phúc U, Vũ Văn Trường Ch, Vũ Công W và những người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho các bị hại là ông Nguyễn TA, ông Phạm Đức La và bà Đỗ Thị H yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho các cháu Nguyễn Huy Y 700.000đ, cháu Đào Đức D 1.060.000đ, cháu Bùi Viêt J 500.000đ, cháu Nguyễn Văn HA 600.000đ, cháu Hoàng Trung S 500.000đ, cháu Nguyễn Phúc U 700.000đ, cháu Vũ Văn Trường Ch 500.000đ, cháu Vũ Công W 500.000đ. HĐXX xét thấy: Mặc dù các sợi dây chuyền của các cháu Nguyễn Huy Y, Đào Đức D, Bùi Viêt J,

Nguyễn Văn HA, Hoàng Trung S, Nguyễn Phúc U, Vũ Văn Trường Ch và Vũ Công W là vật chứng trong vụ án, nhưng sau khi cướp giật được tài sản T đã đổi lấy ma túy với người không xác định được nhân thân, chỗ ở nên không thu hồi để định giá tài sản được. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bị cáo T cũng tự nguyện nhận bồi thường cho các bị hại giá trị dây chuyền của các bị hại như yêu cầu của những người đại diện hợp pháp của người bị hại, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho các bị hại đã nêu trên. HĐXX xét sự tự nguyện của bị cáo là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 42 của BLHS năm 1999; Điều 584, Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015 và không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Vì các bị hại còn nhỏ tuổi nên đại diện hợp pháp của các cháu Nguyễn Huy Y, Đào Đức D, Bùi Viết J, Nguyễn Văn HA, Hoàng Trung S, Nguyễn Phúc U, Vũ Văn Trường Ch, Vũ Công W sẽ nhận thay.

Ngoài ra các đại diện hợp pháp của các bị hại đều xác định các cháu không ai bị thương tích gì, không ai có yêu cầu đề nghị gì khác, nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Đối với yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền là 554.000 đồng, HĐXX xác định giao dịch mua bán giữa bị cáo T và bà M là vô hiệu do mua bán tài sản có được do phạm tội mà có. Tuy nhiên, việc mua bán của bà M là ngay tình, khi biết được 04 chiếc dây chuyền mà bà đã mua của bị cáo T là do T cướp giật được mà có thì bà M đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra để trả lại cho các bị hại. Nay bà M yêu cầu bị cáo T phải trả lại cho bà số tiền 554.000đ mà bà đã mua 04 sợi dây chuyền nêu trên là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với số tiền 230.000đ, hiện đang có trong tài khoản tạm gửi của chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu, tại kho bạc nhà nước huyện Khoái Châu là tiền bị cáo nhận được của bà M từ việc bán tài sản cướp giật được mà có, nên sẽ được ưu tiên đối trừ để thanh toán trả cho bà M. Sau khi đối trừ số tiền còn lại là 324.000đ bị cáo phải tiếp tục trả cho bà M.

Tổng số tiền bị cáo T phải bồi thường cho các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là: 700.000đ + 1.060.000đ + 500.000đ + 600.000đ + 500.000đ + 700.000đ + 500.000đ + 500.000đ + 324.000đ = 5.384.000đ (Năm triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn thi hành án hợp pháp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quyết định thi hành án nếu bị cáo T chậm thi hành các khoản tiền nêu trên thì phải chịu lãi theo quy định tại khoản Điều 357 BLDS 2015.

[6] Về vật chứng trong vụ án:

- Đối với chiếc xe mô tô biển số 89L3 – 1136 là của anh Phạm Văn Ca - em rể của bị cáo T, HĐXX xét thấy anh Ca không biết việc T sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện phạm tội, nên cần trả lại cho anh Ca theo quy định tại khoản 2 Điều 41 của BLHS 1999.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1200 màu xanh đen: Tại phiên tòa T đã khẳng định T dùng 02

điện thoại nói trên nhằm đánh lừa sự chú ý của người khác và làm cho một số bị hại mất tập trung để bị cáo dễ dàng giật dây chuyền trên cổ các bị hại. Nên, cần tịch thu cho phát mại sung công quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 41 BLHS năm 1999 và điểm a khoản 2 Điều 106 của BLTTHS năm 2015.

- Đối với: 01 mũ bảo hiểm màu đen, có hình màu trắng và có kính phía trước; 01 sợi dây bằng vải màu đen dài 1,4 mét, hai đầu đoạn dây có bọc nhựa màu đen trắng; 01 khẩu trang bằng vải, phía mặt ngoài bằng vải bò màu xanh có 06 vết rách xước dài; 01 áo sơ mi dài tay, loại áo có cổ bẻ, màu áo màu đen có chữ AGESHI đã cũ, bẩn, có vân hoa màu xanh, cúc màu vàng đã cũ; 01 chiếc khẩu trang màu xanh, loại khẩu trang Y tế: Từ lời khai của bị cáo và lời khai của các bị hại, người làm chứng xác định các vật dụng trên đều phục vụ cho việc phạm tội cụ thể: T đã dùng mũ bảo hiểm, khẩu trang, áo sơ mi để ngụy trang, che mặt để bị hại không nhìn thấy mặt bị cáo, vậy nên xác định những vật dụng trên là công cụ phạm tội. Ngoài ra cơ quan điều tra còn thu giữ 01 sợi dây bằng vải màu đen dài 1,4 mét, hai đầu đoạn dây có bọc nhựa màu đen trắng không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng bị cáo không có nhu cầu nhận lại. Tất cả các vật dụng nêu trên đều không có giá trị nên cần tịch thu cho tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của BLTTHS năm 2015.

[7] *Về án phí*: Căn cứ theo quy định tại Điều 136 của BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo T phải chịu 200.000đ án phí HSST và 300.000đ án phí trách nhiệm dân sự.

[8] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại và người đại diện hợp pháp cho bị hại, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] *Tuyên bố*: Bị cáo Đào Văn T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

[2] *Áp dụng*: Khoản 1 Điều 136; điểm o, p khoản 1 Điều 46, điểm g, h khoản 1 Điều 48 của BLHS năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/06/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 của BLHS 2015.

[3] *Xử phạt*:

Bị cáo Đào Văn T 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 05/10/2017.

[4] *Về hình phạt bổ sung*: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T.

[5] *Về trách nhiệm dân sự*: Áp dụng Điều 357, Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015 (BLDS) và khoản 1 Điều 42 của BLHS năm 1999.

Buộc bị cáo Đào Văn T phải bồi thường cho các bị hại sau:

- Cháu Nguyễn Huy Y, sinh năm 2010; trú tại: Thôn TQ, xã PH, huyện K, tỉnh Hưng Yên số tiền 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng).

- Cháu Đào Đức D, sinh năm 2007, trú tại: Thôn BD, xã TD, huyện K, tỉnh Hưng Yên số tiền 1.060.000đ. (Một triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Cháu Bùi Viết J, sinh năm 2008, trú tại: Thôn TB, xã TD, huyện K, tỉnh Hưng Yên số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

- Cháu Nguyễn Văn HA, sinh năm 2011, trú tại: Thôn 3, xã TH, huyện K, tỉnh Hưng Yên, số tiền 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng).

- Cháu Hoàng Trung S, sinh năm 2011, trú tại: Thôn 3, xã TH, huyện K, tỉnh Hưng Yên, số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

- Cháu Nguyễn Phúc U, sinh năm 2011, trú tại: Thôn 1, xã Ô, huyện K, tỉnh Hưng Yên, số tiền 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng).

- Cháu Vũ Văn Trường Ch, sinh năm 2008, trú tại: Thôn 3, xã Ô, huyện K, tỉnh Hưng Yên, số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

- Cháu Vũ Công W, sinh năm 2008, trú tại: Thôn 3, xã Ô, huyện K, tỉnh Hưng Yên, số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng);

Vì các bị hại còn nhỏ tuổi nên đại diện hợp pháp của những người bị hại nêu trên thay bị hại nhận toàn bộ số tiền do bị cáo T bồi thường.

- Buộc bị cáo Đào Văn T phải trả lại cho bà Trần Thị M, sinh năm 1962, trú tại: Thôn PP, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hưng Yên số tiền 554.000đ (Năm trăm năm mươi bốn nghìn đồng) được đối trừ với số tiền 230.000đ hiện đang có trong tài khoản tiền gửi của chi cục thi hành án dân sự tại kho bạc nhà nước huyện K nên T còn phải tiếp tục trả cho bà M 324.000đ (Ba trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Truy tịch thu của bị cáo T số tiền 1.650.000đ (Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) là tiền thu lời bất chính để sung công quỹ Nhà nước.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn thi hành án hợp pháp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định thi hành án nếu bị cáo T chậm thi hành các khoản tiền nêu trên thì phải chịu lãi theo quy định tại Điều 357 của BLDS 2015.

***/ Vật chứng trong vụ án:** Áp dụng điểm a, b khoản 1 và khoản 2 Điều 41 - BLHS năm 1999; điểm a, b, c khoản 2 và khoản 3 Điều 106 của BLTTHS năm 2015.

- Trả lại cho anh Phạm Văn Cảnh, sinh năm 1988, trú tại: Thôn V, xã VT, huyện A, tỉnh Hưng Yên 01 chiếc xe mô tô biển số 89L3 – 1136.

- Tịch thu cho phát mại sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1200 màu xanh đen.

- Tịch thu cho tiêu hủy: 01 mũ bảo hiểm màu đen, có hình màu trắng và có kính phía trước; 01 sợi dây bằng vải màu đen dài 1,4 mét, hai đầu đoạn dây có bọc nhựa màu đen trắng; 01 khẩu trang bằng vải, phía mặt ngoài bằng vải bò màu xanh có 06 vết rách xước dài; 01 áo sơ mi dài tay, loại áo có cổ bẻ, màu áo màu đen có chữ AGESHI đã cũ, bẩn, có vân hoa màu xanh, cúc màu vàng đã cũ; 01 chiếc khẩu trang màu xanh, loại khẩu trang Y tế.

(Tình trạng vật chứng như trong Quyết định chuyển giao vật chứng số 16/QĐ-KSĐT ngày 12/03/2018 của VKSND huyện Khoái Châu).

***/ Án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp

quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc Đào Văn T phải chịu 200.000đ án phí HSST và 300.000đ án phí trách nhiệm dân sự.

****/ Về quyền kháng cáo:*** Áp dụng Điều 331; Điều 333 của BLTTHS năm 2015. Báo cho các bị cáo, người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho các bị hại có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/05/2018). Người đại diện hợp pháp, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án, phần bản án có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi họ cư trú./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- VKSND huyện KC;
- VKSND tỉnh HY;
- TAND tỉnh HY;
- CA huyện KC;
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp cho bị hại;
- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho các bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS huyện KC;
- Lưu HSVA.

Nguyễn Thị Thu Hương